

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa  
Tập 582**

**Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư**

**Chuyển ngữ: Minh Tuệ**

**Biên tập: Nguyễn Tâm**

**Thời gian: 07.09.2011**

**Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong**

Chư vị Pháp sư, quý vị đồng học, mời ngồi.

Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 769, hàng thứ hai:  
“*Vô úy, là bốn thứ vô úy, còn gọi bốn vô sở úy. Tâm hoá tha không sợ, gọi là vô úy. Nay muốn chỉ là bốn vô úy của Phật*”.

Những danh tướng này gọi là danh từ thuật ngữ, thường thấy trong nhà Phật. Đại thừa Tiểu thừa, Tông môn Giáo môn đều có nói đến, đây là những kiến thức phổ thông Phật học. Học Phật nhất định phải biết mười lục Như Lai, bốn vô úy, mười tám pháp bất cộng.

Bốn vô sở úy này trong Đại Trí Độ Luận nói thế này: “*Bốn loại này thường gọi là vô úy*”. Bốn thứ này: Thứ nhất là “*nhất thiết trí vô sở úy*”; thứ hai “*lậu tân vô sở úy*”; thứ ba “*nói về chướng đạo vô sở úy*”; thứ tư là nói “*tận khổ đạo vô sở úy*”, bốn loại này. “*Do bên trong trí thập lục của Phật sung mãn*”, trước đây đã học mười thứ trí lục. Có trí tuệ này là có thể: “*Minh liễu quyết định, nên phàm nói ra những gì trong chỗ đông người*”, ở đây là nói Thế Tôn khi đang tại thế, bốn mươi chín năm giảng kinh dạy học: “*Không có tướng lo sợ*”, tại sao? Ngài thấy rõ tất cả, không gì không biết, đem bất kỳ chuyện gì đến thỉnh giáo, ngài đều dạy chi tiết, rõ ràng. Đây là do nguyên nhân gì? Đạo lí này chúng ta nhất định phải hiểu, đây không phải mê tín.

Phật nói trí tuệ loài người là viên mãn, là bình đẳng. Mỗi cá nhân đều có, trí tuệ bình đẳng, khả năng, ngày nay chúng ta gọi là khả năng kĩ thuật. Kĩ năng bình đẳng, phước báo cũng bình đẳng, không gì là không bình đẳng, nguyên nhân do đâu? Căn tánh chúng ta cùng một thể tánh, triết học gọi là bản thể. Người nghiên cứu triết học, phải liên kết những thứ thượng cổ, có thể đến trên vạn năm. Đối với bản thể vũ trụ, nghĩa là vũ trụ từ đâu đến, nhờ đâu để có mặt. Vấn đề này mãi đến nay vẫn chưa có kết luận.

Các nhà triết học đều nói rất có lí, mỗi người đều có lí lẽ riêng, nhưng không thể khiến mọi người tâm phục khẩu phục, nên đến nay vẫn là câu hỏi. Nói thật, chỉ có trong kinh giáo Đại thừa mới đặt được dấu chấm câu, thực sự

làm rõ được, làm rõ thế nào? Giáo lí Đại thừa nói minh tâm kiến tánh, như thế là đã rõ ràng. Nói cách khác, nhà triết học từ xưa đến nay, vẫn chưa minh tâm, vẫn chưa kiến tánh. Bởi thế, với vấn đề này, rốt cục vẫn là dấu chấm hỏi.

Tại sao Phật có thể minh tâm kiến tánh mà người khác không thể? Không phải không thể, nhưng dùng sai cách. Người thế gian thường thích dùng cách nghĩ của họ để nghiên cứu thảo luận vấn đề. Tâm tư là hư vọng, không phải chân thật, nhà Phật gọi là vọng tâm, không phải chân tâm. Hoặc nói đó là tâm mê, không phải tâm giác ngộ. Nhà Phật nói chân tâm là giác ngộ, vọng tâm là mê hoặc. Mê tâm gọi là vọng tâm, giác tâm gọi là chân tâm. Giác tâm khác vọng tâm chỗ nào? Giác tâm bất động, vọng tâm là động, vọng tâm là gì? Ý niệm, niệm trước mất đi, niệm sau sinh khởi, niệm niệm sinh diệt, không bao giờ ngưng nghỉ.

Con người có chết chẳng? Không chết, chết là cơ thể, tâm không chết. Vọng tâm của ta vẫn sinh diệt, nếu vọng tâm không sinh diệt, làm sao có luân hồi, làm sao có chuyện đầu thai? Sẽ không còn nữa, họ không chết, thân thể này không thể dùng được, thì bỏ đi, tìm một thân thể khác. Vì thế nên có hiện tượng sinh tử luân hồi trong lục đạo, bởi thế con người thực sự không chết.

Khi đã kiến tánh, đại sư Huệ Năng nói với chúng ta: “*Vốn không sinh diệt*”, thực sự không sinh không diệt. Nhưng cái bản ngã bất sinh bất diệt đó, chúng ta thường gọi là linh hồn, kì thực nó không linh, nó mê hoặc điên đảo. Nếu nó linh, tại sao lại đi đầu thai? Không linh mới đầu thai, linh sẽ không như thế. Nếu nó giác ngộ, trong Phật pháp gọi nó là linh tánh, không phải linh hồn, gọi là linh tánh. Linh tánh là cái tôi thật sự, là chân tâm, linh tánh vốn là nhất thể. Đến linh tánh, sẽ biết được, biết được là nhất thể, linh hồn không biết.

Bởi thế minh tâm kiến tánh, mới thật sự hiểu rõ ràng minh bạch về chân tướng sự thật này. Tận mắt thấy, tự thân thể hội, đây là chân, không phải giả. Có thể thấy ở đây, tất cả chúng sinh trong cõi hư không khắp pháp giới, cùng một bản thể. Bản thể này Phật pháp gọi là tự tánh, tại sao chúng ta lại quên mất? Mỗi người chúng ta có hai bộ phận, một là tinh thần, thân thể là hiện tượng vật chất. Một thứ nữa là giác tâm, là hiện tượng tinh thần, nó không phải vật chất, hai yếu tố này kết hợp lại.

Hai yếu này từ đâu mà có? Sau khi mê lấy A lại da, A lại da là cõi hư không khắp pháp giới, là thứ tự tánh biến hiện ra. Ngày nay chúng ta gọi là thực thể, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần như đại dương, lấy một giọt nước biển, trong Kinh Lăng Nghiêm thí dụ như bọt nước. Bọt nước trong đại dương sủi lên, lấy bọt đó coi như linh hồn của mình, cho đó là của mình, mà không hay cả đại dương là của mình.

Hiện tượng vật chất của thân thể cũng như thế, quý vị thấy hiện tượng vật chất khắp biến pháp giới hư không giới lớn bao nhiêu. Trong hiện tượng vật chất to lớn đó, lấy thân thể này làm thân thể của mình. Tất cả đều lấy một chút vật chất, một chút tinh thần trong a lại da, cho đấy chính là ta. Chúng ta mê là mê ở chỗ đó, sai là sai ở chỗ đó, không biết cả cõi hư không khắp pháp giới là ta, nghĩa là không biết đại dương là ta.

Kiến tánh, bọt nước đó liền tan, không còn chấp trước một phần tinh thần, một phần vật chất. Biết được tinh thần viên mãn, vật chất viên mãn là nhất thể với ta, đấy mới là ta, đấy là chân ngã. Gọi là kiến tánh, đấy gọi là thành Phật. Bởi thế, vạn sự vạn vật đều từ một thể này biến hiện ra.

Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, đại sư Hiền Thủ đã nói rất rõ, bài luận văn kia rất tuyệt vời, có thể tương đương với luận án Tiến sĩ ở một trường Đại học. Tác giả căn cứ vào Kinh Hoa Nghiêm để phát biểu, bám sát một cách đơn giản, trích ra những phần bí yếu trong Kinh Hoa Nghiêm. Một tập sách rất mỏng, từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng: Một là vũ trụ, một là chính ta, ta sinh đồng thời với vũ trụ, đồng thời xuất hiện. Vũ trụ có trước, sau đó là linh tánh của ta, chấp trước một điểm rất nhỏ trong vũ trụ cho rằng là ta, sai là sai ở chỗ đấy.

Chấp trước này, gọi là ngã kiến, cho rằng là ta, do ngã kiến mà cả loại phiền não đều sanh khởi. Ngã ái, ngã ái là tâm tham, ngã si là ngu si. Ngã mạn, mạn ở đây là sân hận, một phần trong sân hận. Nói cách khác, tham sân si là theo đó mà khởi lên. Bởi thế tham sân si, trong Phật pháp gọi là căn bản phiền não, hay phiền não câu sinh, nó đến đồng thời với thân mạng của ta. Khi mê sẽ có những thứ đó, giác ngộ sẽ hết. Ba loại đó rốt cuộc từ đâu mà có? Vẫn từ trong tự tánh, trí tuệ vốn có trong tự tánh, vốn sẵn đức năng, vốn sẵn tướng hảo. Trong đó sinh ra tham sân si, bởi thế nó có nguồn gốc.

Trong tự tánh không có gì cả, nhưng nó không thiếu bất cứ thứ gì. Tại sao triết học và khoa học không có biện pháp nào, đi vào cảnh giới này? Cần phải biết triết học và khoa học, đều cần có thực thể, họ mới có đối tượng nghiên cứu. Ví dụ hiện tượng vật chất có thực thể, tuy tinh thần là trừu tượng, nó vẫn có hiện tượng, nó vẫn có biện pháp. Hiện tượng tự nhiên, không nằm ngoài ba loại lớn. Ba hiện tượng này không có trong tự tánh, nó không phải hiện tượng vật chất, nằm căn chúng ta không đạt đến. Ta không nhìn thấy, không nghe thấy, bởi thế mắt tai mũi lưỡi thân không thể tiếp xúc được. Nó không phải hiện tượng vật chất, không phải hiện tượng tinh thần, tư tưởng chúng ta không nghĩ đến được, ta không có cách nào.

Nó cũng không phải hiện tượng tự nhiên, bởi thế dùng vật lí, toán học, khoa học kĩ thuật, cũng không cách nào tìm ra nó, nó ở đâu? Nó tồn tại mọi

lúc mọi nơi, bất kì một hiện tượng nào: Hiện tượng vật chất, cho đến hiện tượng tinh thần, không thấy nó, hiện tượng đó sẽ không có mặt, hiện tượng là tự nó biến hiện. Nó không phải là gì cả, nhưng nó có thể hiện tất cả, nó biến ra tất cả.

Bởi thế trong Phật pháp dùng hai chữ để hình dung nó: Thứ nhất là ẩn, ẩn là không còn, đây là bản thể của nó. Nói bản thể là che kín, hiện tượng nào cũng không có. Ngoài ra gọi là hiển, hiển là hiển hiện ra, nó có thể hiện tất cả hiện tượng. Có thể hiện hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất.

Khoa học phát triển ba trăm năm nay, ba thứ hiện tượng này họ chỉ thấy một, đấy là hiện tượng vật chất, gọi là nhà Vật lí học, không coi trọng hiện tượng tinh thần. Ngày nay hiện tượng vật lí, có thể nói đã đạt đến đỉnh cao, mang lại những gì? Mang đến thiên tai, thiên tai giáng xuống trái đất, vấn đề này vật lí không thể giải quyết, cái gì mới giải quyết? Tâm lí mới giải quyết được, tại sao tâm lí có thể giải quyết? Bởi vì nền tảng của vật chất là ý niệm, nghĩa là suy nghĩ, ý nghĩ biến hiện thành vật chất, vật chất là gì? Vật chất là do ý niệm biến hiện ra, bởi thế ý niệm có thể thay đổi được hiện tượng vật chất, điều này chỉ hai mươi năm nay mới phát hiện ra.

Bởi thế hiện nay, một bộ phận nhà khoa học đã thay đổi phương hướng, đi nghiên cứu hiện tượng tinh thần, nghiên cứu ý niệm. Phát hiện năng lượng ý niệm cực kì lớn, không thể nghĩ bàn. Thậm chí ý niệm mọi người trên quả đất chúng ta, có thể thay đổi được quỹ đạo các tinh cầu không gian, đấy là điều có thực, không phải viễn vông.

Hoàn Nguyên Quán nói: Ý niệm vừa động liền chu biến pháp giới. Năng lượng này lớn bao nhiêu, vừa động đã đi khắp pháp giới. Ánh sáng mặt trời đến quả đất còn mất tám phút, thời gian dài như thế, ý niệm chúng ta vừa động, đã đi khắp pháp giới, mà lại thế nào? Xuất sinh vô tận, chúng ta động thiện niệm, động ác niệm, có khi có ý, đôi lúc vô tình, đừng tưởng không có chuyện gì, có thể ở thế giới phương khác đã khởi tác dụng. Một niệm ác, nơi khác hứng chịu thiên tai, một niệm thiện, nơi khác có phước báo.

Vấn đề này như Đông y nói, y học Trung Quốc không giống y học các nước khác, bên trong thân thể có bệnh, chỗ đau lại ở bên ngoài. Nói không chừng bộ phận nào bị đau nhức, là do một chỗ nào của nội tạng đã có vấn đề. Bởi thế khi điều trị, họ không chữa trị bên trong, cứ nhắm điểm đau bên ngoài để trị. Bên trong sẽ trở lại bình thường, sức khỏe trở lại, rất kì lạ.

Kì thực, hiểu được đạo lý này, thì không có gì thần kỳ cả, nó có đối ứng. Một suy nghĩ của ta ở đây, vũ trụ rất lớn, không nhất định sẽ đối ứng, cảm ứng đến trong tinh cầu nào đó. Bây giờ khoa học mới phát hiện vấn đề này,

nhưng có một hiện tượng tự nhiên còn cao hơn những thứ đó một bậc. Ba loại hiện tượng này, trong Phật pháp nói hiện tượng tự nhiên có trước. Hiện tượng tự nhiên biến hiện ra hiện tượng tinh thần, hiện tượng tinh thần biến hiện hiện tượng vật chất, nó có mối quan hệ mật thiết, không phải độc lập.

Nếu đạo lí này, ngày nay các nhà khoa học rất nỗ lực, bây giờ xem ra có vẻ nhân số ngày càng đông, đều coi trọng vấn đề tinh thần. Tìm hiểu về ý niệm, ý niệm của con người, tham cứu vấn đề này. Tìm hiểu đến tột cùng vấn đề này, Phật đã nói, không thể vượt qua A lại da. Ngày nay họ tìm hiểu, thực sự đã phát hiện A lại da, nhà khoa học gọi là năng lượng, là nghiệp tướng của A lại da, đây là hiện tượng tự nhiên. Khoa học gọi là ý niệm, là chuyển tướng của A lại da, hoặc nói kiến phần của A lại da, đây là hiện tượng tinh thần.

Từ hiện tượng tinh thần biến hiện ra hiện tượng vật chất, đó là cảnh giới tướng của A lại da, cảnh giới tướng là vật chất, tướng phần của A lại da. Phật đã nói, dùng suy nghĩ, dùng thức thứ sáu, điểm cuối chỉ đến đó, không còn đột phá nữa, không còn nữa. Nhưng câu trả lời cuối cùng vẫn chưa có, ngày nay vật chất đã có câu trả lời, vấn đề vật chất đã được giải quyết, là do ý niệm biến hiện. Không sai, không có ý niệm sẽ không có vật chất, nhưng từ đâu có ý niệm? Báo cáo của các nhà khoa học cho rằng, ý niệm là từ không mà sanh có, vấn đề rất hàm hồ.

Những người học Phật chúng ta nghe được, đồng ý với cách giải thích của họ, họ nói không sai. Nhưng nói họ nói không rõ ràng, hàm hồ, thực sự là trong không sinh có, không là gì? Tự tánh không, trong tự tánh không có một thứ gì. Vừa rồi đã nói, không có hiện tượng tự nhiên, không có hiện tượng tinh thần, không có hiện tượng vật chất, là không. Nhưng nó có thể biến hiện, nó có thể sinh ra có, trong không sinh có, nó có thể sinh có. Cái không này, họ nói không rõ ràng, họ không hiểu không có ý nghĩa như thế nào, cái không ở đây là tự tánh

Tổ tiên ngày xưa nói: “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*”, là cái tánh đó, thiện ở đây không phải thiện ác, thiện đây là gì? Cái gì cũng có thể biến, nghĩa là trong không sinh có, là cái thiện đó. Cái gì cũng không có, nhưng nó có thể biến ra tất cả, biến cái gì cũng được, mà lại tùy theo sở thích, muốn gì nó sẽ biến thứ đó. Bởi thế thứ này, khi chúng ta học Hoàn Nguyên Quán, gặp những vấn đề này, rất khó hiểu. Chúng ta liền nghĩ đến ông vạn hoa chúng ta chơi từ bé, có người đã cho tôi rất nhiều ông vạn hoa.

Quý vị thấy rất đơn giản, trong đây chỉ một ít giấy vụn nhiều màu, khi xoay nó ta thấy được gì. Dù ngắm một tháng, cũng không có hai hình ảnh giống nhau, đạo lí ở chỗ đó. Không bao giờ thấy giống nhau, thiên biến vạn hoá, ngay ông vạn hoa cũng có thể làm được, tại sao tự tánh không làm được?

Bởi thế tự tánh là ống vạn hoa vĩ đại, tại sao nó có thể thay đổi? Động sẽ đổi, không động sẽ không thay đổi. Chỉ cần động nó sẽ thay đổi, nó sẽ biến hoá, mà biến hoá này là toàn diện, không phải cục bộ. Bởi vậy ở đây chúng ta khởi một ý niệm, bất kể thiện niệm hay ác niệm, hữu ý hay vô tình, không biết thế giới nào sẽ phát sinh vấn đề. Chúng ta phải hiểu được vấn đề này.

Chư Phật và Bồ Tát Pháp thân, họ hiểu được vấn đề này, họ truy tìm cảnh giới đó, muốn khế nhập vào cảnh giới đó, phương pháp thế nào? Buông bỏ, buông bỏ khởi tâm động niệm. Sáu căn chúng ta nằm trong cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, luyện đến trình độ nào? Luyện đến không khởi tâm, không động niệm, nhìn sẽ rất rõ, giống như tấm kính, soi rất rõ. Trong tấm kính, nó không khởi tâm, không động niệm, đấy gọi là chân tâm, chân tâm như tấm kính, vọng tâm thế nào? Vọng tâm như nước bùn, nước bẩn, nước cáu, lại nổi sóng, nước này gợn sóng, bởi vậy không thể soi.

Nếu nước lắng trong, nếu không gợn sóng, giống tấm kính, cảnh giới bên ngoài sẽ soi rất rõ. Bởi vậy Phật thường dùng nước để ví tâm chúng ta. Chúng ta cúng Phật, có rất nhiều thứ để cúng Phật, nhưng quan trọng nhất, cốt lõi nhất vẫn là một bát nước, được tượng trưng cho thứ gì? Không phải để Phật Bồ Tát uống, không phải vậy, nó là tượng trưng. Tượng trưng cho thanh tịnh, bất động, tâm chúng ta phải thanh tịnh, phải bất động, đấy là tâm Phật, là chân tâm. Chúng ta mong mình có thể đạt đến cảnh giới đó. Nước tâm không động, nước tâm không ô nhiễm, ta sẽ giống Phật, soi chiếu tất cả vạn sự vạn pháp, như vậy thì còn lo sợ điều gì? Những gì ta nói đều là chân tướng sự thực.

Bởi vậy: *“Phàm những gì nói ra, sẽ không có tướng sợ hãi”*, họ không sợ, họ có thể nói rất rõ ràng, có thể nói rất minh bạch, họ không nói nhăng nói cuội, không phải lừa người. Đấy gọi là vô sở úy, bốn loại vô sở úy.

Mười lục, phần trước chúng ta vừa học, rất hay. Mười loại trí lực tượng trưng cho vô lượng, vô lượng trí tuệ trong tự tánh. Chỉ cần kiến tánh, tất cả đều lộ ra hết. Trí tuệ không phải từ bên ngoài vào, bên ngoài không có trí tuệ, ngày nay chúng ta chạy theo bên ngoài, tìm được những gì? Tri thức, không phải trí tuệ, trí tuệ không thể tìm bên ngoài, trí tuệ được sinh ra từ tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sẽ sinh trí tuệ, tâm bình đẳng sinh trí tuệ, sinh trí tuệ càng cao. Nếu đại triệt đại ngộ, đó là trí tuệ viên mãn.

Bởi thế đề kinh ghi: Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Thanh tịnh là trí tuệ của A La Hán, trí tuệ nhỏ, nhưng thù thắng hơn rất nhiều so với chúng ta. Bình đẳng là trí tuệ của Bồ Tát, giác là trí tuệ của Phật. Đây là ba giai đoạn, cũng là thành tích tu học đạt được ba học vị trong nhà Phật, được coi là thành tích của họ, thành tích của sự nghiệp học tập.

A La Hán là địa vị thấp nhất, họ phải được tâm thanh tịnh mới được gọi là A La Hán. Đạt đến tâm bình đẳng, mới được gọi là Bồ Tát, Bồ Tát là học vị thứ hai. Thực sự giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây là Phật Đà, học vị cao nhất. Phật Đà được ví như Tiến sĩ, Bồ Tát ví như Thạc sĩ, A La Hán giống như đại học. Lấy được học vị, đó là danh xưng học vị.

Trong bốn loại này, loại thứ nhất: “*Vô sở úy nhất thiết trí*”. Nhất thiết trí, “*nhất thiết trí*”, thế nào gọi là nhất thiết trí? Biết hết tất cả các pháp thế xuất thế gian, không có gì họ không biết, không có gì họ chưa từng thấy. Thấy hết biết hết, đây gọi là nhất thiết trí, điều này có thật chăng? Có người nghi ngờ, cho đó là mê tín trong tôn giáo, khen ngợi các vị thần toàn năng toàn trí, không gì không biết, không gì không thể, làm gì có chuyện đó!

Phật Thích Ca Mâu Ni đã chứng được. Nhân vật đại diện cho Trung Quốc, là Lục tổ Thiên tông Huệ Năng đã chứng được. Ngài không nói trong kinh Phật nói biết hết tất cả, như thế là khoe khoang, đây là những lời khen ngợi, không phải thật, ngài không nói. Ngài không phê bình Phật Thích Ca Mâu Ni, nếu Phật Thích Ca Mâu Ni nói sai, người đã minh tâm kiến tánh như ngài, sẽ có những lời phê bình, không có.

Người minh tâm kiến tánh từ hai nghìn năm nay, Phật giáo truyền đến Trung Quốc hai nghìn năm, người Trung Quốc tu hành, rất nhiều người đạt đến cảnh giới giống Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta tính sơ, ít nhất là trên ba nghìn người, quý vị xem hai nghìn năm nay, ít nhất trên ba nghìn người.

Ngũ Đẳng Hội Nguyên của Thiên tông, đã ghi lại, đây không phải giả, hơn một nghìn bảy trăm người. Trong Cảnh Đẳng Lục có không ít người, ngoài Thiên tông, như Giáo môn, Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Pháp Tướng, những đại đức trong các tông phái này, được gọi là đại khai viên giải. Đại khai viên giải của giáo môn ngang bằng với đại triệt đại ngộ của Tông môn, ít nhất cũng được vài trăm người. Lại còn Mật tông, lí nhất tâm bất loạn trong Tịnh độ tông, đều là cảnh giới đó. Bởi thế mức thấp nhất cũng vượt con số ba nghìn người.

Họ không bao giờ phê bình kinh điển Phật Thích Ca, không phải một người vài người, số ít người thấy, rất nhiều người đã nhập cảnh giới đó, làm sao giả được! Nếu ta cho rằng, họ thông minh như thế, có trí tuệ như thế, sao không phát minh khoa học? Chúng ta cũng có thể hỏi như thế.

Tôi chưa nhập vào cảnh giới đó, tôi đã đọc rất nhiều kinh luận, cũng có chút tâm đắc. Nếu quý vị hỏi tôi câu đó, tại sao không phát triển khoa học? Tôi sẽ trả lời, không cần những thứ đó, không cần thiết phải như thế, tại sao? Những thứ đó là những thứ không tốt, hình như cũng mang đến những tiện

lợi, điều đó là đúng. Giống như đường tắt, truyền thông tin nhanh, nhưng phải biết rằng, ta đã phải trả giá ra sao, thu không bù chi!

Ba trăm năm trước không có những thứ đó, như những nước khác trên thế giới. Ở Trung Quốc, khoa học Trung Quốc lạc hậu, Trung Quốc đừng nói là ba trăm năm trước, chỉ một trăm năm trước, một trăm năm trước Trung Quốc không có những thứ đó. Quý vị xem ngành du lịch Trung Quốc, vẫn còn đi ngựa, vẫn ngồi kiệu, vẫn còn như thế. Kiệu nhỏ hai người gánh, trước một người, sau một người. Đường xa thì ba, năm phu kiệu, thay nhau gánh kiệu. Ngày trước chúng ta đi chơi, đều ngồi kiệu, sau đó là cưới ngựa, nhà giàu mới có xe ngựa, đây là phương tiện giao thông ngày xưa, mãi đến cuối đời nhà Thanh vẫn thường dùng.

Bạn xem phần nhiều các nhà đại phú, đều có kiệu, có ngựa. Thời đó xã hội an vui thái bình, giữa người với nhau sống rất tình cảm, bây giờ không có. Người lạ nơi khác đến, đi xa một vài trăm dặm, rất xa cách, lạ người lạ cảnh. Có khó khăn gì, mọi người đều đến giúp đỡ, giúp đỡ rất nhiệt tình, bây giờ làm gì có! Mọi người gặp nhau tay bắt mặt mừng, bây giờ mọi người gặp nhau, khuôn mặt thật khó coi, không có biểu cảm. Cái giá chúng ta trả khá đắt, không gì bù đắp được.

Giao thông thuận lợi có điều gì hay? Ngày xưa đi du lịch nước khác, đi thuyền phải mất một hai tháng mới đến, rất khổ nhọc, từ xa đến thăm ta, quý vị thấy vô cùng tình cảm! Bây giờ từ Trung Quốc đến Mỹ, chỉ mất mấy tiếng đã tới, không một chút cảm xúc, thứ cảm xúc thân tình không còn nữa. Đây là cái giá chúng ta phải trả, trả những gì? Không còn luân lí, không còn đạo đức, không còn nhân quả. Khi những thứ đó không còn, nơi chúng ta sống sẽ thay đổi, tâm lí và sinh lí chúng ta sẽ thay đổi. Tâm lí và sinh lí chúng ta không bình thường, tại làm sao? Không bình thường vì thân tâm đều có vấn đề, quả đất đang sống có rất nhiều tai nạn xảy đến.

Bởi thế khoa học kĩ thuật có cần thiết chăng? Không cần thiết. Khoa học kĩ thuật phá nát môi trường sinh thái quả đất với diện tích rất lớn, mang thiên tai đến quả đất, rắc rối sẽ rất lớn!

Bây giờ bao nhiêu người tìm cách cứu trái đất, ngày trước không có suy nghĩ đó, không có ý nghĩ cứu quả đất. Bây giờ thấy thiên tai trên quả đất ngày càng nhiều, thực tế đã hết cách, bởi thế mới đưa ra khẩu hiệu này. Người nghĩ đến chuyện đó ngày càng nhiều thêm, cứu thế nào? Khoa học không có cách để cứu, đây chính là sản phẩm của nhà khoa học tạo ra, khoa học không thể cứu được. Khi đã bị dòn vào thế chân tường này, không ngờ những nhà lực học lượng tử, họ đã phát hiện, năng lượng của ý niệm không thể nghĩ bàn.



Bởi thế bây giờ có rất nhiều nhà khoa học đang đi trên con đường này, đi trên đường tâm lí, ý niệm thuộc về tâm lí.

Con đường này, trong Phật pháp nói, họ đã đi đúng. Phật pháp đi con đường này, là thuộc về Quyền giáo Tiểu thừa, rất đúng, như thế đã tiến bộ, tiến bộ rất xa. Rốt cuộc Phật pháp Đại thừa vẫn không đi trên con đường đó, nó trực tiếp, một mực tiến lên, lìa tất cả vọng niệm tức xa tất cả pháp, quý vị sẽ thấy rõ hoàn toàn.

Tịnh độ tông, Tịnh độ tông là một phương pháp đặc biệt, phương pháp tông này sử dụng rất đơn giản, thích hợp với tất cả căn tánh. Cùng một phương pháp, lợi ích mỗi người nhận được lại khác nhau. Từ người trời cho đến Phật đạo cứu cánh viên mãn, tất cả đều trong một câu Phật hiệu. Pháp môn này rất dễ dàng, nhưng khó hiểu.

Phật Thích Ca Mâu Ni nói pháp môn này, tất cả chư Phật đều nói: Dễ hành khó hiểu. Khi làm ai ai cũng làm được, nhưng muốn hiểu được đạo lí của nó, điều đó không dễ, rất khó. Có thể nói những thứ sâu sắc nhất đều nằm trong Tịnh độ, nhưng nơi bắt đầu dễ nhất cũng trong Tịnh độ. Tịnh tông vẫn đặc thù, bảo đảm sẽ được cứu cánh viên mãn ngay trong đời này.

Vô sở uý nhất thiết trí, thấy biết tất cả phàm phu trong lục đạo, thậm chí chúng sinh địa ngục trong tam ác đạo. Như đại sư Thiện Đạo đã nói về pháp môn này, tứ độ tam bối cửu phẩm, tất cả đều do duyên không giống nhau, câu này rất hay. Nếu gặp nhân duyên thù thắng, gặp nhân duyên không giống nhau, như Nhân Vương Kinh đã nói: Chánh pháp, Tượng pháp, Mạt pháp. Nhân Vương Kinh không nói theo đơn vị thời gian, thông thường nói một nghìn năm Chánh pháp, một nghìn năm Tượng pháp, một vạn năm Mạt pháp, đây là cách nói thông thường. Nhân Vương Kinh không nói theo cách đó, mà nói từ trên mặt lý, thế nào là Chánh pháp? Có giảng kinh.

Khi tại thế, Phật Thích Ca Mâu Ni có giảng kinh, ngày nào cũng giảng không gián đoạn. Có người nghe kinh, có người học tập, những người đệ tử của Phật, thường theo chúng một nghìn hai trăm năm mươi lăm người, không một người nào vắng học. Có người tu hành chứng quả, có người chứng Sơ quả, có người chứng Nhị quả, có người chứng Tứ quả, thực sự chứng quả, đây gọi là thời kì Chánh pháp. Có người nói, có người tu, có người chứng, đây gọi là Chánh pháp.

Loại thứ hai, có người nói, có người tu, không có người chứng, đây gọi là Tượng pháp. Loại thứ ba, có người nói, có người giảng kinh thuyết pháp, không ai chịu tu tập, không ai chứng quả, đây gọi là Mạt pháp. Loại thứ tư, ngay người nói cũng không có, đây gọi là diệt pháp, Phật pháp bị tiêu diệt. Cả bốn loại này đều không có, đây là diệt pháp.

Bởi thế chúng ta hiểu được, thời đại Phật Thích Ca Mâu Ni, có Mạt pháp chẳng? Có, có diệt pháp chẳng? Có. Quý vị xem, kinh điển có ghi chép: Phật thuyết pháp ở thành Vương Xá, rất nhiều bộ kinh quan trọng được giảng ở thành Vương Xá, giảng ở thành Vương Xá. Thành Vương Xá là một thành phố lớn, là một thủ đô cực kì náo nhiệt, cư dân lúc đó độ mười vạn người. Lúc bấy giờ một đô thị mười vạn người rất ít, nơi có một vạn người cư trú, rất ít, hầu như không thấy. Đô thị lớn này mười vạn người, một phần ba số người đã thấy Phật Thích Ca, vì Phật thường đi khất thực, thấy mặt, biết Phật, thấy ngài. Một phần ba số người nghe tiếng ngài, biết có Phật Thích Ca Mâu Ni, nhưng chưa gặp. Còn một phần ba số người, ngay tên tuổi cũng chưa nghe, không biết, căn bản không biết, những người căn bản không biết, không phải là Mạt pháp ư?

Biết nhưng không gặp mặt, không phải là Tượng pháp ư? Biết lại được gặp mặt, không phải là Chánh pháp ư? Cùng trong một thời đại, cùng một khu vực. Bởi thế Chánh pháp hay Tượng pháp không phải ở thời gian, mà do con người. Lúc này ta ở trong thời kỳ nào, cách nói này rất hay. Nhân Vương Kinh là do Phật Thích Ca Mâu Ni giảng.

Nói một nghìn năm Chánh pháp, một nghìn năm Tượng pháp, một vạn năm Mạt pháp, đây là nói đại đa số người trong thời đại đó. Từ đó có thể thấy Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện rất hay, Phật pháp ngày nào cũng có người đang tuyên dương, có người đang nói. Rất nhiều người đang nghe, hành trì. Thời đại này, có Chánh pháp chẳng? Có, có người giảng kinh, có nghe kinh, có người thực sự tu hành, có người thực sự vãng sinh, vãng sinh là chứng quả.

Vãng sinh thế giới Cực lạc, bạn xem bốn mươi tám lời nguyện, lời nguyện thứ hai mươi nói rất rõ: Chỉ cần sinh đến thế giới Cực lạc, cho dù là cõi Phàm thánh đồng cư hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng thành Bồ Tát bất thoái chuyển, đây là chứng quả. Bồ Tát bất thoái chuyển là Sơ quả trở lên, đây không phải Chánh pháp thì là gì?

Bởi thế ngày nay có Chánh pháp chẳng? Có, người thực sự vãng sinh là Chánh pháp, học Phật nhưng không thể vãng sinh là Tượng pháp. Không những không thể vãng sinh, mà còn đọa tam ác đạo, đây chính là Mạt pháp, vấn đề này cần phải hiểu. Bởi thế những lời Phật dạy là có thật, ngài đối với tất cả những việc thế xuất thế gian đều biết hết, không những biết, mà còn thấy hết.

“*Vô sở úy, như Phật nói, ta là người có tất cả chánh trí*”. Chánh trí cho thấy gì? Ngài không phải tà tri tà kiến, ngài không biên kiến, ngài không tà kiến, chánh trí chánh kiến. “*Nên được an ổn*”, an là an lạc, ổn là ổn định. Ngài không chút loạn động, ngài không buồn, ngài không phiền, ngài an vui.

An đây là an lạc, ổn là ổn định, đầy là hạnh phúc mỹ mãn. “Được vô sở úy”, ngài không lo sợ, không có lo sợ, không lo buồn, chúng ta gọi là không có phiền não.

“*Làm tiếng rống sư tử trong đại chúng, có thể chuyển pháp luân*”. Chuyển pháp luân là tượng trưng thuyết pháp. Pháp luân, trong Phật giáo nguyên thủy, dùng thứ này để tượng trưng, giống nhãn hiệu, mark bây giờ vậy. Trong nhà Phật, dùng hình ảnh tượng trưng là bánh xe, bánh xe tượng trưng sự viên mãn. Nhất định bánh xe phải xoay, không xoay nó sẽ không còn tác dụng, tác dụng của bánh xe là xoay, tượng trưng cho sự chuyển động, phải để nó chuyển động.

Chuyển động ở đây, là từ tôi truyền cho bạn, bạn chuyển lại cho người khác, chuyển tiếp từng đời cho nhau, từng người chuyển cho nhau. Ngang đến mười phương, dọc cùng tam tế, lấy ý nghĩa như thế, chuyển thế nào? Bằng cách giảng kinh dạy học. Trong dạy học, quan trọng nhất là thân giáo, bởi thế muốn dạy thành công, trước tiên ta phải làm gương. Nản thân ta không làm, muốn người khác làm là rất khó, trước tiên ta phải làm, sau đó mới dạy người khác, như thế sẽ dễ hơn.

Một người thầy giỏi, ông ta giỏi chỗ nào? Giỏi ở chỗ ông ta làm được. Phật Thích Ca Mâu Ni làm được tất cả, ngài chế ra qui ước cho bạn, những giới luật ngài chế, ngài đều thực hiện, ta không thể phát hiện những sai sót trong đó. Nếu bản thân không làm mà đi dạy người khác, bạn sẽ thấy lo lắng, người ta bảo ta không làm được, làm sao ta không xấu hổ được? Không tử thành công trong dạy học, ngài đã thực hiện được, không học trò nào không khâm phục ngài. Học trò không làm được, thầy giáo làm được, học trò không thể không phục.

“*Trong đại chúng làm tiếng rống sư tử, có thể chuyển pháp luân*”. Nói theo ngôn ngữ ngày nay, không lo sợ trước đám đông, có thể dạy họ bất cứ điều gì, có ý nghĩa như thế.

Ngài dạy bốn mươi chín năm, những điều ngài dạy, chư đại đức tổ sư ngày xưa cực kì siêng năng nghiên cứu, nó có thứ lớp, không lộn xộn. Bắt đầu dạy học, những người mới học, dạy những điều cao sâu quá không được, không ai hiểu. Giống như bắt đầu Tiểu học, giảng A hàm, A hàm là Tiểu học. Trong A hàm chú trọng giáo dục luân lí, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Chỉ dạy cho học sinh đến sáu thức, nhãn nhĩ tỉ thiệt thân ý thức.

Giống như tâm lí học trong đại học ngày nay, chưa giảng Mạt na và A lại da, giáo dục Tiểu học như thế suốt mười hai năm. Sau mười hai năm tiếp tục giảng Phương Đẳng, đây là giai đoạn bắt đầu của Đại thừa. Từ Tiểu thừa chuyển sang dạy Đại thừa là tám năm, tám năm thêm vào mười hai năm trước

là hai mươi năm. Bởi thế Phật giảng kinh, đối với việc dạy học cho mọi người, trước tiên nền tảng là hai mươi năm, sâu sắc cỡ nào! Lúc đó mới giảng Đại thừa.

Đại thừa giảng Bát Nhã suốt hai mươi hai năm, chúng ta có thể hiểu được, tông chỉ của Phật giáo ở đâu? Ở trí tuệ, Bát Nhã là trí tuệ, hai mươi hai năm giảng Bát Nhã, Bát Nhã giảng những gì? Thật tướng các pháp, giảng chân tướng vũ trụ nhân sinh, nói về vấn đề này. Ngày nay chúng ta gọi là triết học và khoa học.

Ngày trước, sáu mươi năm trước, tôi học triết học với thầy Phương Đông Mĩ, phần cuối cùng ông giảng triết học Phật giáo. Ông nói rằng Ngày trước tôi hoài nghi, tôi nói Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, mà còn là đa thần giáo. Một số người gọi là đa thần giáo, đa thần giáo là mê tín, là tôn giáo hạng bét, làm gì có triết học ở đó? Thầy nói với tôi, con còn trẻ nên không biết, Thích Ca Mâu Ni, ông không gọi Phật, ông nói Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới. Triết học Phật giáo là đỉnh cao của nền triết học nhân loại, người học Phật là người hưởng thụ cao nhất của đời người.

Trong phần học đó, tôi bỏ tất cả những kiến giải sai lầm trước đây, đã hiểu được. Học sáu mươi năm, biết rằng không những là triết học cao nhất mà còn là khoa học cao nhất. Bạn chỉ cần đọc những luận văn nghiên cứu của các nhà khoa học ba đến năm mươi năm gần đây. Hãy xem thử, đối chiếu với kinh Phật, kinh Phật là khoa học cao nhất. Những gì họ phát hiện đều đã có trong kinh Phật, trong kinh Phật, còn rất nhiều những thứ họ chưa phát hiện, bởi thế Phật pháp thực sự không thể nghĩ bàn.

Phần tiếp theo là so sánh việc dạy học Phật pháp với thế gian. “*Chư Sa môn*”, ở Ấn Độ, Sa môn là truyền nhân trong tôn giáo, người thầy tôn giáo, người thực tâm tu trong tôn giáo, gọi là Sa môn. “*Bà la môn, nếu trời ma Phạn, nếu có những người khác, thật sự không thể chuyển được, là vô sở úy nhất thiết trí*”. Nghĩa là những gì được nói trong giáo dục Phật Đà, những người như thế không thể nói được. Dưới cùng có dấu ngoặc đơn, giải thích mấy chữ: “*Sa môn tiếng Phạn*”, dịch sang tiếng Trung Quốc là cần tức, nghĩa là siêng làm những việc thiện, ngưng tất cả những việc ác, đây là ý nghĩa chữ Sa môn.

Trong kinh Phật thường nói, siêng tu giới định tuệ, diệt hết tham sân si, đây là nghĩa chữ Sa môn. Chưa làm được hai câu đó, chưa thể được gọi Sa môn, Sa môn phải làm được, Sa môn là người tu hành chân chính.

“*Tiếng Phạn Sa môn, tiếng Hoa gọi là tịnh hạnh*”, những người đó tu thanh tịnh tâm, tu thiện tâm, là những đệ tử tôn giáo thành kính, nghĩa là Bà la môn giáo. Những người đó thờ Đại phạn thiên vương, tu thiên định. Trời

Ma phạn, Thiên ma tức Tha hoá tự tại. Phạn tức Phạn thiên ma, vấn đề rất ghê gớm!

Trời Tha hoá tự tại là tầng trời cao nhất trong cõi Dục, tại sao gọi họ là ma? Họ chưa buông bỏ được tình chấp, tình chấp là ma, khiến ta không thể vươn lên cao hơn, nó ngăn che bạn. Phạn là ma Phạn thiên, tầng trời này càng cao, cao hơn những gì đã nói trước. Phần trước nói tầng cao nhất cõi Dục, đấy là trong trời Đại phạn, Đại phạn thiên vương là tầng cao nhất. Trời Tha hoá tự tại chưa thể buông bỏ tình chấp, Đại phạn thiên vương chưa thể buông bỏ tình kiến, nghĩa là họ chưa buông bỏ được cách nhìn của mình, bởi thế họ không thể vươn lên cao được.

Đại phạn thiên là Sơ thiên thiên, trên đó còn có Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, những thứ đó ngăn trở họ. Buông bỏ họ mới có thể đến Nhị thiên, buông bỏ Nhị thiên mới đến Tam thiên, tại sao vẫn chưa ra khỏi luân hồi lục đạo? Đến cửa ải cuối cùng, họ vẫn là chưa buông bỏ được. Vấn đề này nói rất dễ, nhưng thực sự làm rất khó. Quý vị xem người niệm Phật, bình thường niệm Phật rất tốt, dẫn chúng niệm Phật.

Khi mới xuất gia có gặp một người, tôi xuất gia ở chùa Lâm Tế, chùa Lâm Tế có hội niệm Phật, hội trưởng họ Lâm, là cư sĩ Lâm, người Phúc Châu. Ông tu tập rất tốt, lớn tuổi hơn tôi, hơn mười mấy hai mươi tuổi, làm cư sĩ đã lâu, tu hành từ sớm, làm hội trưởng hội niệm Phật. Cùng tu với nhau mỗi tuần, ông làm Duy na, rất giỏi phép tắc. Nhưng khi mất sợ chết, những người đồng tu niệm Phật để ông vãng sinh. Ông yêu cầu những người đồng tu không nên niệm Phật A Di Đà, mà niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, mong Bồ Tát Quán Thế Âm gia hộ ông.

Bạn thấy đến cuối cùng, cuối cùng không cần đến Phật A Di Đà nữa, cần Bồ Tát Quán Thế Âm. Bồ Tát Quán Thế Âm, cũng không gia hộ ông, ông mất, không biết sinh vào cõi nào, chắc chắn không thể vãng sinh. Ông hiểu đạo lí Tịnh độ, ông cũng thường giảng khai thị cho người khác, khuyên người khác, đến cuối đời, không thể vượt qua cửa ải đó. Quý vị thấy vấn đề này không đơn giản, chúng ta thử nghĩ, đến cuối đời, liệu chúng ta có đi lên vết xe đổ của ông chăng? Ai dám chắc? Nếu ông sống có thể hỏi. Ông luôn cảm thấy mình là người đã nắm chắc, mình tu hành tốt hơn người khác, đây là một thí dụ chúng ta tận mắt nhìn thấy.

Bởi thế muốn vãng sinh Tịnh độ, không phải đến lúc gần mất mới buông bỏ, khi gần mất sợ không buông được. Buông bỏ ngay bây giờ, đừng chấp trước ngay giờ phút này, bạn mới nắm chắc. Tất cả tùy duyên, người khác muốn thế nào, cứ tùy thuận họ, thế mới hay, buông bỏ triệt để, tại sao? Nó đang thử sức ta, tôi đang muốn về Cực lạc, tôi không lưu luyến gì trên thế

gian này, còn gì không buông bỏ đâu? Còn một chút không buông bỏ, đó là tình chấp, đấy là rắc rối của ta.

Tất cả tùy duyên, gì cũng được, trong sinh hoạt đời thường, phải rèn luyện những gì? Vô ngã, không tự tư tự lợi, đừng có tôi muốn như thế này, tôi muốn như thế kia, như thế là không được. Những thứ đó là rắc rối của ta khi gần mất, dứt khoát không được coi thường, tại sao? Tập khí từ vô thì đến giờ.

Tôi học Phật đã gần ấy năm, thường khuyên mọi người, cũng để khuyên mình, phải thấy rõ năm thứ kiến hoặc. Bởi vì đấy là cội gốc của tất cả rắc rối, đầu tiên là chấp thân này là của ta, sai lầm, thân không phải là ta. Đừng nên quá chú trọng thân này, thân là giả. Người xưa nói rất hay, mượn giả tu chân, dùng thân thể giả này để làm gì? Sử dụng tốt nhất, dùng nó để tu chân, dùng nó để đoạn trừ tất cả những tập khí vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta. Như thế mới đúng, đầu tiên là đừng chấp thân này là tôi.

Thứ hai, phải buông bỏ thiên kiến, nhà Phật gọi là biên kiến, biên kiến là gì? Đối lập, ta không đối lập với tất cả mọi người, không đối lập với tất cả sự vật, không đối lập với tất cả vạn vật, hoà đồng với tất cả, gì cũng vui cả, không đối lập. Người khác đối lập với ta, ta không đối lập với người khác. Phải biết rằng, trong đối lập sẽ sinh ra oán thân trái chủ như chúng ta vẫn thường nói. Bởi ta đối lập với người, người sẽ đối lập với bạn. Trong vô tình hay hữu ý, sinh ra oán hận oán cừu, sau này gặp lại bèn oan oan tương báo. Ta ngăn trở họ, khi bạn mắc kẹt, họ đến ngăn trở bạn, lấy báo trả báo, vấn đề này rất rắc rối!

Ngày nay chúng ta học Phật đã hiểu, oan gia nên giải không nên kết, những người ta không thích, huỷ báng ta, làm nhục ta, ngăn trở ta, huỷ hại ta, ta nên cúng họ một bài vị sống, đặt cạnh tượng Phật. Mỗi ngày đều hồi hướng cho họ, mong tiêu tai hoá giải oán kết đó, rất hay. Thế nhưng bây giờ, từ sáng đến tối, vẫn như thế, vẫn oán hận, đấy không phải do ta tạo ra sao? Đây đã tiêu rồi, tạo ở chỗ khác, chướng ngại của ta làm sao đoạn hết được?

Đã muốn tiêu tai, không nên tạo lại. Ở kia tiêu tai, muốn tiêu tai giải kết, ở đây lại suốt ngày gây thêm rắc rối với người khác, bởi thế đấy là việc làm đại đột, chưa buông được tình kiến, vậy phải làm sao? Đấy là ngu si, chưa thấy được chân tướng sự thực, cần phải nghe kinh, điểm hay của kinh điển là ở chỗ đó. Có hai ưu điểm: Thứ nhất, giúp chúng ta phá mê khai ngộ, ưu điểm thiết thực nhất với chúng ta, đó là đoạn nghi sinh tín. Những điều trong kinh nói đều là chân tướng nhân sinh vũ trụ, nếu ta hiểu được, thấy rõ, lúc nào mới được gọi thấy rõ, hiểu được? Thực sự buông bỏ là hiểu được, vẫn chưa buông

bỏ, nhất định chúng ta phải cảnh giác, chúng ta vẫn chưa thấy rõ, thấy rõ chắc chắn phải buông bỏ.

Những chuyện lo lắng mỗi ngày rất nhiều, chưa buông bỏ, chưa buông bỏ vẫn chưa giải quyết được vấn đề luân hồi lục đạo, chết đi vẫn quanh quẩn trong luân hồi lục đạo, đây là sai lầm rất lớn.

Loại thứ hai trong bốn loại vô úy gọi là: “*Vô sở úy lậu tận*”, lậu là danh từ thay thế phiền não, chữ này đại diện tất cả phiền não: Phiền não vô minh, phiền não trần sa, phiền não kiến hoặc, chữ này thay thế tất cả. Tận là đoạn trừ, sạch sẽ không còn một thứ gì, có thể đoạn tận phiền não chăng? Trong kinh Đại thừa Đức Phật dạy chúng ta, định công có thể kìm chế phiền não, không thể đoạn, định những gì? Có thể không chế được.

Bởi thế bạn phải hiểu, chúng ta vãng sinh thế giới Cực lạc phương Tây, định công này rất quan trọng, không chế được phiền não, bạn có thể vãng sinh, tại sao? Đói nghiệp vãng sinh, không giống các pháp môn khác. Những pháp môn khác, phải đoạn phiền não mới thành tựu, pháp môn này có thể không cần, nhưng phải không chế nó, không chế được, nó không khởi tác dụng, lúc nào? Thời điểm vãng sinh, thời điểm vãng sinh, ta vẫn còn phiền não là hồng, vẫn còn tâm tham, đi vào đường quỷ, đi vào cõi quỷ đói. Tâm sân hận nổi lên, đi vào địa ngục. Ngu si nổi lên, đi vào cõi súc sinh. Phải biết rằng, tập khí tham sân si rất nặng, ta giữ gìn cho đến niệm cuối, nó không khởi lên ư? Đây là chân tướng sự thực.

Bình thường dụng công như thế nào? Là công phu chế ngự phiền não. Sáu căn chúng ta tiếp xúc sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, không nổi tham sân si. Ở sau còn hai chữ là mạn và nghi, không chế được tham sân si mạn nghi, chúng ta mới chắc chắn được vãng sinh. Lậu tận, là hết phiền não.

Quý vị xem, hoặc là mê hoặc, tham sân si mạn nghi là mê hoặc, nghiệp là gì? Nghiệp là sát đạo dâm vọng, ta tạo nghiệp. Khi đoạn được mê hoặc, ác nghiệp được đoạn, đoạn được sinh tử, sinh tử là lục đạo luân hồi, tất cả đều hết, đây là cảnh giới của ai? Trên A La Hán, vô sở úy. Phật cao hơn A La Hán, A La Hán chỉ đoạn được phiền não kiến tư, họ hết sinh tử lục đạo. Phật siêu việt thập pháp giới, bởi thế Phật minh tâm kiến tánh.

Hoặc có ba loại: Vô minh, trần sa, kiến tư, đều được đoạn hết. Tham sân si mạn là kiến tư hoặc, mê hoặc của chúng sinh lục đạo, chúng sinh trong lục đạo đều có, bởi thế họ không thể ra khỏi luân hồi lục đạo.

Ở chỗ này, Phật Thích Ca Mâu Ni, đã đoạn được phiền não kiến tư, đoạn được phiền não trần sa, đoạn được phiền não vô minh. Hai loại sinh tử đã hết,

một là phân đoạn sinh tử trong luân hồi lục đạo, một là biến dị sinh tử, trong pháp giới Tứ thánh, tất cả đều không còn, vô sở úy.

“*Như Phật nói, ta hết tất cả lậu*”, tất cả phiền não đều không còn. “*Nên được an ổn, được vô sở úy*”, thực sự được an lạc, thực sự được ổn định. Ngày nào chúng ta cũng nói đến ổn định, trên thực tế, không có động loạn lớn gọi là ổn định, không có động loạn nhỏ, đây là chuyện không thể có. Đến thế giới Cực lạc phương Tây sẽ thực sự được an ổn, tại sao? Không còn một chút loạn động nhỏ.

Chúng ta phải hiểu được, ở thế gian này, không thể đoạn được loạn động nhỏ, loạn động lớn không có, như thế gọi là thiên hạ thái bình, đây gọi là thời thịnh, tại sao? Chúng ta dùng tâm sinh diệt, tâm sinh diệt là động, là ý niệm, niệm trước diệt, niệm sau sinh ra. Căn bản nó là động, bởi thế tướng cũng không ổn định, thế giới chúng ta nhìn thấy, ngày nay gọi là không gian ba chiều. Thêm thời gian, là không gian bốn chiều, tất cả đều là hiện tượng dao động, làm gì có sự ổn định?

Chỉ pháp giới Nhất chân mới ổn định, thực sự không động, tại sao? Tâm ý thức không còn, tâm ý thức là tướng động, tướng động đó không còn. Nó là cảnh giới chuyển bát thức thành tứ trí, khi đã chuyển được, vấn đề sẽ được thay đổi, nên gọi là pháp giới Nhất chân. Thế giới Cực lạc phương Tây, thuộc về pháp giới Nhất chân.

Kinh Hoa Nghiêm nói, thế giới Hoa Tạng cũng là pháp giới nhất chân, trong đó tất cả đều không thay đổi. Nếu bạn được sinh qua đó, thân tướng của hoàn toàn giống với Phật A Di Đà, hay tuyệt! Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp, không phải ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, đây là nhân gian. Nhân gian không phải cõi trời, trời Dục giới không bằng trời Sắc giới, trời Sắc giới không sánh được pháp giới Tứ thánh, pháp giới Tứ thánh không bằng thế giới Cực lạc. Bởi thế đó thực sự là nơi tuyệt vời, cần phải giác ngộ, cần được chọn lựa, ngày nay gọi là di dân, chúng ta đưa dân đến thế giới Cực lạc, như thế mới đúng.

“*Làm sư tử hống trong đại chúng, có thể chuyển pháp luân*”, giảng kinh dạy học, giải đáp nghi vấn cho tất cả mọi người. “*Chư Sa môn, Bà la môn, trời Ma phạn, những người khác, không thể chuyển được, đây là vô sở úy lậu tận*”. Đoạn tận phiền não, quý vị không thấy phiền não được đoạn tận, phần trước nói nhất thiết trí, nhất thiết trí.

Thứ ba nói: “*Vô sở úy chướng đạo*”, câu này rất giống ngày nay chúng ta đang làm báo cáo về sám hối. Không giấu giếm tất cả những gì chúng ta đã làm, nói ra tất cả, mong mọi người tha thứ. Chướng đạo là gì? “*Nói đến chướng đạo là nói những thứ ma bên ngoài*”, ma vương ngoại đạo, ngoại đạo.



Ma là nói chân tướng sự thực, không phải hạ thấp người khác, đạo lí này phải hiểu, tại sao? Phạt pháp là pháp bình đẳng, ma và ngoại cũng là Phật, tại sao? Phật nói rất hay, tất cả chúng sinh vốn là Phật. Ma vốn cũng là Phật, chỉ là bây giờ sai lầm phương hướng. Điều này cổ nhân gọi tập tánh, bản tính họ vốn là Phật, tập tánh của họ biến thành ma, biến thành ngoại đạo, chuyện chỉ có như thế, đó là gì? Họ học những điều sai, bản tính họ không sai. Tập tính không phải bản tính, bởi thế tập tính có thể thay đổi, khi giác ngộ, tập tính sẽ biến mất, bản tính lộ diện.

Từ đây có thể biết, giáo dục quan trọng nhất trong mọi vấn đề, nếu thực sự học theo Phật Bồ Tát, học tập một thời gian, họ sẽ thay đổi. Không gặp Phật Bồ Tát, hoặc vẫn giữ thành kiến, ghen ghét, ngạo mạn với Phật Bồ Tát, như thế sẽ rất khó tỉnh ngộ, nhưng có thể tỉnh ngộ chăng? Có, chắc chắn sẽ tỉnh ngộ, tại sao? Ngoại và ma tạo rất nhiều tội lỗi, nhất là chướng đạo, chướng đạo gì? Chướng ngại Phật pháp, “*ma, ngoại lập che pháp thánh đạo*”. Phật có thể nói được, rất nhiều thủ đoạn chướng đạo, Phật biết tất cả.

Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ma vương Ba Tuần cũng đến nghe kinh, cũng đến lay Phật làm thầy, nhưng nó ghen ghét Phật, tâm ghen ghét của nó rất nặng. Thấy Phật có nhiều đệ tử, nhiều người tôn kính ngưỡng mộ ngài, nó tỏ vẻ không phục, muốn phá hoại pháp Phật. Phật nói, pháp của ta là chánh pháp, được chảy ra từ tự tánh, nói cách khác, không một ai có thể phá hoại pháp Phật. Ma vương nói, đợi đến Mạt pháp, nghĩa là hai nghìn năm sau thời Mạt pháp, ta sẽ bảo con ma, cháu ma của ta xuất gia, mặc áo Ca sa, đến phá hoại pháp của Phật. Phật nghe những lời đó, lặng lẽ không nói, rơi nước mắt, giờ này chính là Mạt pháp, quả thực như thế.

Quý vị muốn học Chánh pháp, họ ngăn trở không cho học, muốn giảng kinh, không cho ta giảng kinh, ta thực sự rất muốn dẫn dắt mọi người tu hành, họ cũng quấy phá. Nhưng muốn làm trái giới luật, trái với những lời Phật Thích Ca Mâu Ni nói, họ sẽ ủng hộ.

Phật giáo ngày nay, khi chúng tôi còn trẻ, không tin tôn giáo, chúng tôi chưa bao giờ đi chùa, cho rằng nó mê tín. Chưa bao giờ nghe ở chùa nào có giảng kinh, không bao giờ nghe, ngày xưa có. Chùa chiền ở Trung Quốc không có giảng kinh, ít nhất đã hai trăm năm nay, nhưng phải biết, trước đây hai ba trăm năm, không chùa nào không giảng kinh. Không ai chứng quả, không ai tu tập, nhưng có người giảng, có người nghe. Thời kì Mạt pháp, có người nghe, nhưng không làm theo, vẫn muốn nghe.

Ở Nhật Bản, lần trước tôi có đến Nhật Bản giảng kinh, có hai vị pháp sư nói với tôi, chùa Nhật ngày trước cũng giảng kinh, bây giờ không thấy, ông nói với tôi, khoảng bốn trăm năm nay. Vì Nhật bản, tiếp thu văn hoá phương

Tây sớm hơn Trung Quốc, họ đã bỏ bốn trăm năm nay, không ai giảng kinh nữa. Lần đó tôi đến giảng hai tuần, họ rất coi trọng, đây là chuyện hi hữu. Tất cả những chuyện đó là ngoại, ma đến chướng đạo.

Bởi thế Đài Loan năm nào cũng giảng kinh, ba mươi tám năm chưa gián đoạn. Cư sĩ Lí Bình Nam ở Đài Trung là một người tại gia, ông ở Đài Trung đã ba mươi tám năm, chưa bao giờ thôi giảng kinh. Mỗi tuần giảng một lần, gần đây giảng hai lần, sau lại giảng một lần, ngày thứ tư, ngày thứ bảy, sau đó ngày thứ bảy ông bồi dưỡng cho một số học sinh. Thứ bảy giảng cho học sinh, thứ tư ông đứng ra giảng, chưa bao giờ gián đoạn.

Phật Thích Ca Mâu Ni, khi còn tại thế ngày nào cũng giảng kinh, chưa nghỉ một ngày, bốn mươi chín năm. Vấn đề này cho chúng ta biết, giáo dục quan trọng nhường nào! Tổ tiên chúng ta biết rằng, văn hoá là linh hồn của dân tộc, giáo dục là cơ hội sống còn của văn hoá, không có giáo dục, văn hoá sẽ chết. Bởi thế mấy nghìn năm trước đã đề xuất: “*Xây dựng đất nước, giáo dục làm đầu*”.

Lễ Kí được hình thành thời Xuân thu chiến quốc, chúng ta có lí do để tin rằng, hai câu này là lời của tổ tiên. Khổng tử “*Thuật mà không sáng tác, tin và làm theo cổ nhân*”. Bốn nghìn năm trước đây, Trung Quốc vẫn chưa có văn tự, Hoàng Đế mới phát minh chữ viết. Phu tử đã đem những lời giáo huấn của tổ tiên hàng nghìn năm trước, truyền lại cho người đời sau, viết thành văn tự lưu lại cho người đời sau. Đây là sự nghiệp vĩ đại nhất của cả đời Khổng tử. Bởi thế chúng ta tin rằng: “*Xây dựng đất nước, lấy học làm đầu*”, hai câu đó là của tổ tiên, người xưa biết được tầm quan trọng của giáo dục.

Tam Tự Kinh đã nói rất chi tiết: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện, tánh tương cận, tập tương viễn*”. Nếu xét về bản tính, tất cả mọi người chúng ta đều giống nhau, như kinh Đại thừa đã nói: “*Vốn tất cả chúng sinh là Phật*”. Chúng ta giống nhau, tại sao lại có cách biệt lớn như thế, trở thành mười pháp giới? Tập tính, ta không tiếp thu giáo dục, khoảng cách giữa tập tính và bản tính của ta ngày càng xa, vấn đề ở chỗ đó. Bởi thế mới thực sự đề xuất một cách nghiêm túc: “*Nếu không dạy, tính sẽ thay đổi*”, nếu không dạy dỗ đường hoàng, con người ngày càng hư, ngày nay ai dạy?

Thầy Phương Đông Mĩ nói truyền hình đang dạy, vấn đề rất đáng ngại, bởi sức mạnh của nó rất rộng lớn, nó có thể đưa giáo dục vào nhà bạn. Nếu nội dung dạy dỗ là đạo Thánh hiền, sẽ khiến người, mỗi người trở thành Thánh nhân, Hiền nhân. Đây là mục tiêu, lí tưởng giáo dục của người ngày xưa. Ngày nay truyền hình dạy con người sát đạo dâm vọng, không có luân lí,

không có đạo đức, không có nhân quả, toàn như thế cả, điều này đã làm hỏng con người.

Ta phải hiểu, bản tánh của họ không xấu, do học những điều xấu, học từ truyền hình, học từ Internet. Ngày nay truyền hình, Internet, đã làm chủ giáo dục cả nhân loại, vấn đề này rất nghiêm trọng. Bởi thế chúng ta đề xuất mấy thứ, từ: “*Tây dựng đất nước, bắt đầu từ giáo dục*”, cho đến xây dựng cơ nghiệp, lấy việc học làm đầu; xây dựng con người, giáo dục làm đầu; ổn định hài hoà, vẫn giáo dục làm đầu; quan hệ giữa người với người, giáo dục làm đầu; dân giàu nước mạnh, giáo dục làm đầu; ổn định lâu dài. Thậm chí cõi báo của chư Phật, thế giới Cực lạc, không phải dạy học ư? Trong bộ kinh này chúng ta đã thấy, Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc, mỗi ngày đều giảng kinh dạy học không gián đoạn. Cõi báo của chư Phật, thế giới Cực lạc, đều lấy giáo dục làm đầu.

Nếu chúng ta muốn thiên hạ thái bình, muốn đời thịnh thế xuất hiện trên quả đất, vẫn lấy giáo dục làm đầu, ngoài giáo dục, không có biện pháp nào khác. Với tổ tông, với Thánh hiền, chúng ta không thể không khâm phục. Phật A Di Đà biết thế nên dạy học ở thế giới Cực lạc, không ngưng nghỉ ngày nào, dạy những gì? Dạy trí tuệ, dạy tu phước, giáo dục ở thế giới Cực lạc là giáo dục trí tuệ, giáo dục phước đức. Viên mãn hai thứ này gọi là thành Phật.

Bởi thế: “*Qui y Phật, nhị túc tôn*”, hai ở đây, một là trí tuệ, một là phước đức, đủ là viên mãn, đầy đủ. Đầy đủ hai thứ đó được gọi là thành Phật, chúng ta không thể không biết điều đó.

Do chánh giáo không còn, giáo dục tà ma ngoại đạo mới xuất hiện, nó chướng ngại thánh đạo. Không phải Phật không biết, biết tất cả, ngài có thể nói, bởi thế vô sở úy. “*Như Phật nói, ta nói chướng pháp*”, chướng ngại phương pháp của thánh giáo, ngài có thể nói rất rõ, nói rất minh bạch.

“*Nên được an ổn, được vô sở úy, làm sư tử hống trong đại chúng, có thể chuyển pháp luân. Chư Sa môn, Bà la môn, hay trời Ma phạn, với những người khác, không thể chuyển được, nên mới nói vô sở úy chướng đạo*”.

Điều cuối cùng: “*Thuyết tận khổ đạo vô sở úy*”. Nói hết khổ đạo, là nói hết đạo pháp của các khổ. Như Phật nói: *Những gì ta nói về Thánh đạo, có thể ra khỏi thế gian, có thể hết các khổ, nên được an ổn, được vô sở úy*”. Phật dạy cho chúng ta phương pháp, nói rất nhiều kinh luận, đây chính là khó hiểu. Nói bốn mươi chín năm, nhưng khi đã hiểu, rất dễ thực hành, thực hành không khó, biết mới khó.

Cương lĩnh chung, nguyên tắc chung để hành, gói trong ba chữ: Tín, nguyện và hạnh. Đầu tiên ta phải tin, vì không tin nên cần phải hiểu rõ, minh

bạch đạo lí và chân tướng sự thực, như vậy mới tin được, việc này tốn nhiều công sức. Quý vị xem Phật Thích Ca Mâu Ni, giảng A Hàm hết mười hai năm, Phương Đẳng giảng tám năm, Bát Nhã giảng hai mươi hai năm quý vị mới tin. Không có nền tảng này, tổng cộng bốn mươi hai năm, khi đã tin, sau đó mới nói sự thực. Tin tưởng, mới chịu thực hành, y giáo phụng hành, như vậy mới thành tựu được.

Cần bao nhiêu thời gian để phàm phu thành Phật, cần đến một ngày chẳng? Không cần, lục tổ Huệ Năng không phải là tám gương ư? Ngài là một phàm phu, cần bao nhiêu thời gian để thành Phật? Tôi tính chưa đến hai giờ, nghe một buổi giảng, ngài đã thành Phật. Ngài không biết chữ, chưa đi học, ở Hoàng mai tám tháng. Trong Đàn Kinh nói rất chi tiết.

Đạo tràng Ngũ tổ có giảng đường, ngài chưa đặt chân đến, chưa nghe một buổi giảng. Có thiền đường, ngài chưa ngồi hết một cây hương, một cây hương trong thiền đường cháy nửa giờ. Chưa tham thiền, chưa nghe một buổi giảng, truyền y bát vào canh ba nửa đêm. Ngũ tổ gọi ngài đến, giảng đại ý Kinh Kim Cang cho ngài, chúng ta tính độ hơn hai giờ. Ngài không biết chữ, chắc chắn không cần kinh sách, cứ nói chuyện bình thường. Khi giảng đến: “*Ung vô sở trụ, nhi sinh kì tâm*”, ngài liền tốt nghiệp, cực kì nhanh! Tốt nghiệp rồi, không cần giảng phần còn lại, biết tất cả.

Giảng đại ý Kinh Kim Cang, mới giảng được một phần tư, còn lại ba phần tư, ngài đã khai ngộ, làm báo cáo. Đó là báo cáo tâm đắc của ngài, nghĩa là luận án tốt nghiệp, hai mươi chữ: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Nào ngờ tự tánh vốn không sinh diệt*”. Nào ngờ tự tánh là không ngờ tự tánh, chân tánh thanh tịnh, xưa nay chưa từng ô nhiễm, bất sinh bất diệt. Câu thứ ba: “*Vốn đã đầy đủ*”, tuy không có gì, nhưng không thiếu một thứ gì. Câu thứ tư: “*Nào ngờ tự tánh, vốn không dao động*”, tự tánh vốn là định, bởi thế ý niệm có sinh diệt là vọng tâm. Không sinh không diệt là chân tâm, buông bỏ vọng tâm, chân tâm sẽ lộ diện. Câu cuối cùng: “*Đâu ngờ tự tánh, năng sinh vạn pháp*”.

Nghe đến đó, Ngũ tổ cho đã ổn, bảo ngài đừng nói nữa, truyền ngay y bát cho ngài, bắt ngài trốn đi, tại sao phải đi? Đồng học ghen ghét chướng ngại, làm sao truyền y bát cho ngài được? Trong mắt mọi người ngày đó, y bát chắc chắn phải được truyền cho Thần Tú. Thần Tú ở với Ngũ tổ hai mươi năm, thời gian rất dài, trợ giáo của Ngũ tổ Hoàng Nhãn. Cánh tay phải, trợ giáo, tất nhiên phải truyền cho ông ấy, làm sao lại truyền cho Huệ năng. Một người từ đâu đến, không biết một tí gì, mới ở tám tháng, đến nhà kho giã gạo, bồ củi, làm những việc đó, điều này cho thấy gì? Biết khó làm dễ.

Vì khó hiểu nên Đức Phật nói pháp suốt bốn mươi chín năm. Hành dễ, ta xem đại sư Huệ Năng, không cần một ngày, từ phàm phu liền thành Phật. Bởi thế, Kinh Di Đà nói: Vãng sinh thế giới Cực lạc, “*nếu một ngày*”, một ngày làm được chăng? Được, tại sao chúng ta niệm ngàn ấy năm vẫn không được? Không có tin, không có nguyện, mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, niệm cả đời cũng không vãng sinh. Niềm tin không kiên định, không phải chân tín, không phải chân nguyện. Chân nguyện, không thay lòng đổi dạ, cứ một hướng ấy, mục tiêu ấy, không có suy nghĩ nào khác. Đây mới gọi chân tín, chân nguyện. Vẫn còn nhiều vọng niệm, vọng tưởng, đây không phải, đây chỉ là kết pháp duyên với Phật A Di Đà, với thế giới Cực lạc, cả đời đi không được, không giống người thực sự muốn đi.

Thực sự niệm Phật vãng sinh, người đó rất hài hoà gần gũi, bản thân rất khiêm cung, cung kính tất cả mọi người, quý vị hỏi họ những gì? Họ đều A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật không biết thứ gì khác. Ta biết những người đó chắc chắn sẽ vãng sinh, không được coi thường họ, họ là đệ tử thực sự của Phật A Di Đà, ở thế giới Cực lạc, đời này chắc chắn sẽ vãng sinh.

Trong tâm vẫn còn tạp niệm, trong tâm vẫn còn vọng tưởng, thường dùng những mỹ từ, những điều ta làm là hoằng pháp lợi sinh, những gì ta tuyên dương là đại pháp Tịnh tông. Trên thực tế họ chướng đạo, không hiểu mình là ngoại, ma che lấp thánh đạo. Nếu không thâm nhập kinh tạng, làm sao biết được? Thâm nhập kinh tạng cần phải khiêm tốn, không khiêm tốn, không khiêm hư, không thành kính, vẫn chưa học được gì, ngày ngày nghe cũng không hiểu. Phật có khả năng đó, là bởi ngài đã đoạn hết tập khí phiền não.

Vì thế điều cuối cùng: “*Có thể hết các khổ*”, là khổ được vui, đến cứu cánh viên mãn. “*Chư Sa môn, Bà la môn, trời Ma phạn, những người khác, không thể chuyển được*”. Những điều này người khác không làm được, “*đó gọi là thuyết tận khổ đạo vô sở úy*”, cần phải đoạn tất cả phiền não, khổ đã diệt.

Trong báo cáo của Huệ Năng không có khổ, cho chúng ta biết chân tâm của mình là thanh tịnh, không chút nhiễm ô. Nói cách khác, khổ có từ ô nhiễm, không có ô nhiễm sẽ không có khổ, rời khổ được lạc. Câu thứ hai cho ta biết, bất sinh bất diệt. Câu thứ ba cho ta biết vốn đã đầy đủ, không cần tìm bên ngoài, đầy đủ tất cả trong tự tánh. Câu thứ tư rất quan trọng, ta phải định tâm lại, vốn tâm đã định, tâm loạn là bản tính, là vọng tâm, không phải chân tâm. Cuối cùng cho chúng ta biết, có thể sinh vạn pháp, hay là hay ở chỗ đây.

Trên đây đã giới thiệu bốn vô sở úy, là vô sở úy của Phật, Bồ Tát cũng có. Phật thì chúng ta chỉ nghe mà thôi, ta không thể làm được, không học được, nhưng Bồ Tát có thể. Buổi sau, sẽ giới thiệu bốn vô sở úy của Bồ Tát.

## Hết tập 582